

Vốn đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế và đánh giá hiệu quả qua chỉ số ICOR

TRẦN VIẾT NGUYỄN

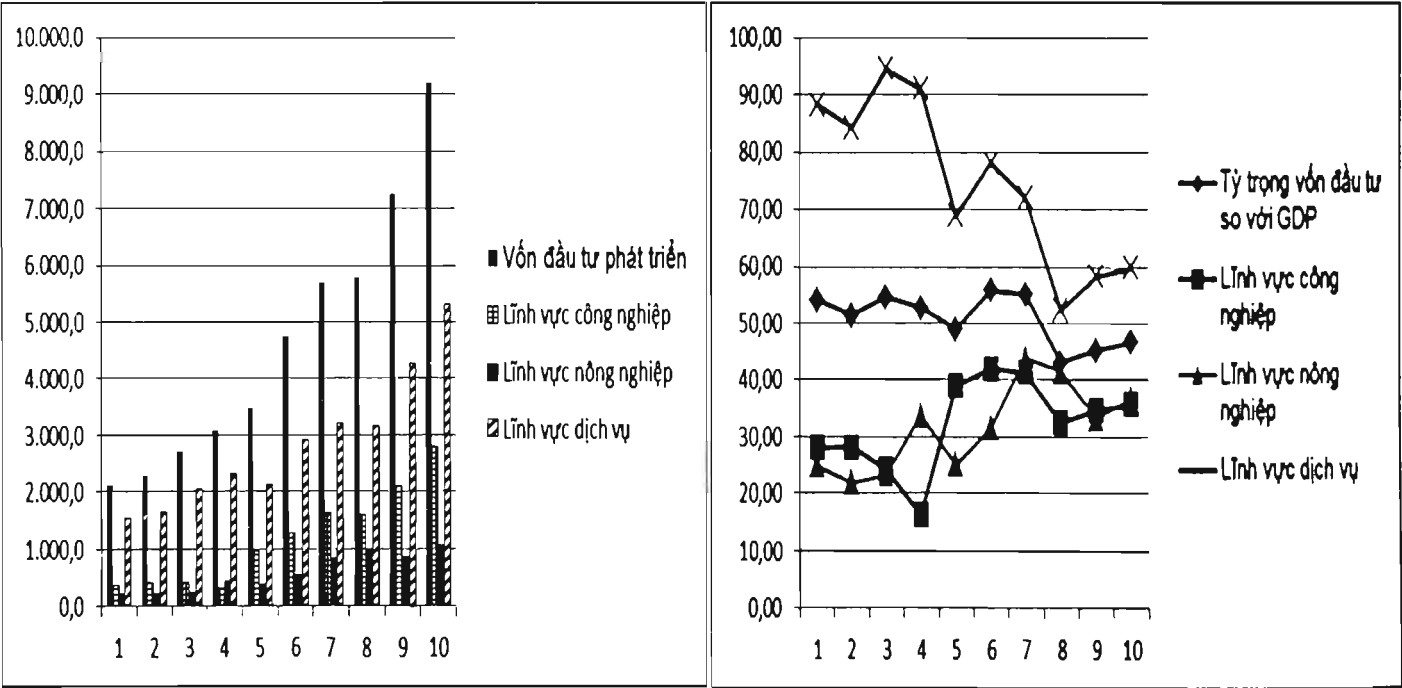
Hiệu quả vốn đầu tư phát triển có vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế, trên cơ sở phân tích thực trạng vốn đầu tư phát triển, bài viết tập trung đánh giá hiệu quả vốn đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2001-2010 theo chỉ số ICOR.

1. Thực trạng vốn đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế

a) Giá trị và tỷ trọng vốn đầu tư phát triển

so với GDP lĩnh vực dịch vụ cao nhất, cách biệt so với các lĩnh vực khác nhưng ngày càng giảm dần khoảng cách (hình 1)

HÌNH 1: Giá trị và tỷ trọng vốn đầu tư phát triển/GDP giai đoạn 2001-2010 (Giá trị: tỷ đồng, tỷ trọng: %, theo giá thực tế)



Nguồn: Tính toán từ nguồn Sở Kế hoạch và đầu tư, Cục Thống kê Thừa Thiên Huế.

Tỷ trọng vốn đầu tư phát triển so với GDP lĩnh vực dịch vụ rất lớn, trên dưới 90% giai đoạn 2001-2004, sau đó giảm dần nhưng vẫn ở mức trên dưới 60% giai đoạn 2005-2010 và cao hơn nhiều so với các lĩnh vực khác, nguyên nhân là do những năm gần đây tỉnh Thừa Thiên Huế tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng cho phát triển dịch vụ,

thu hút mạnh nguồn vốn đầu tư phát triển vào khách sạn và nhà hàng, nhất là Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô và các khách sạn 4 đến 5 sao tại thành phố Huế.

Trần Viết Nguyễn, Văn phòng UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

BẢNG 1: Tỷ trọng vốn đầu tư phát triển/GDP lĩnh vực dịch vụ (% theo giá thực tế)

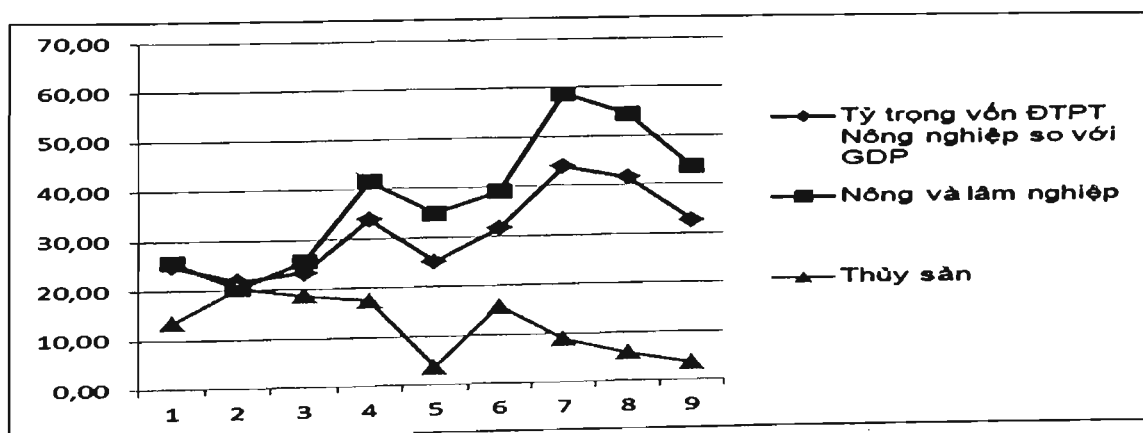
Tỷ trọng vốn đầu tư phát triển các ngành dịch vụ	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009
Vốn đầu tư phát triển dịch vụ	93,40	91,70	77,59	76,51	71,39	53,52	57,27
Thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ, ô tô, mô tô, xe máy và đồ dùng cá nhân	0,37	2,86	8,87	3,23	8,40	6,73	5,76
Khách sạn, nhà hàng	127,36	92,70	69,82	106,46	129,84	91,69	121,36
Vận tải, kho bãi và thông tin liên lạc	335,77	325,68	209,75	144,78	91,87	63,77	71,43
Tài chính, tín dụng	10,56	12,70	13,02	12,32	6,88	5,62	0,92
Hoạt động khoa học và công nghệ	133,99	37,66	35,90	84,60	82,98	66,28	46,76
Các hoạt động liên quan đến tài sản và dịch vụ tư vấn	1,16	0,38	0,00	1,90	1,57	1,13	3,27
Quản lý nhà nước và an ninh quốc phòng, đảm bảo xã hội	15,12	30,40	30,71	46,04	33,36	25,81	23,77
Giáo dục và đào tạo	64,90	52,67	36,88	30,22	39,20	28,36	44,06
Y tế và các hoạt động cứu trợ xã hội	42,74	37,66	43,51	99,51	81,92	59,57	46,25
Hoạt động văn hóa, thể thao	471,33	647,81	362,65	190,56	140,82	95,72	3,09
Hoạt động Đảng, đoàn thể và hiệp hội	3,83	17,57	10,93	7,82	5,91	4,85	5,58
Hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng	753,49	671,92	760,52	782,19	795,87	562,80	508,34

Tỷ trọng vốn đầu tư phát triển so với GDP các ngành trong lĩnh vực dịch vụ có sự khác biệt lớn, các ngành phục vụ cá nhân và cộng đồng rất cao trong cả giai đoạn 2003-2009, các ngành vận tải kho bãi và thông tin liên lạc, hoạt động văn hóa thể thao giai đoạn đầu cao, nhưng sau đó giảm mạnh, đáng lưu ý là tỷ trọng vốn đầu tư phát triển so với GDP các ngành khách sạn, nhà hàng cao, các ngành tài chính, tín dụng, hoạt động liên quan tài sản và dịch

vụ tư vấn, thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ, ô tô xe máy, đồ dùng cá nhân quá thấp.

Tỷ trọng vốn đầu tư phát triển so với GDP lĩnh vực nông nghiệp đạt mức thấp so với tỷ trọng chung, nhưng xu hướng tăng từ thấp đến cao hơn lĩnh vực công nghiệp các giai đoạn 2003-2005 và 2007-2009. Tỷ trọng vốn đầu tư phát triển so với GDP ngành thủy sản thấp hơn so với các ngành khác và có xu hướng giảm dần.

HÌNH 2: Tỷ trọng đầu tư phát triển/GDP nông nghiệp giai đoạn 2001-2009
(% theo giá thực tế)

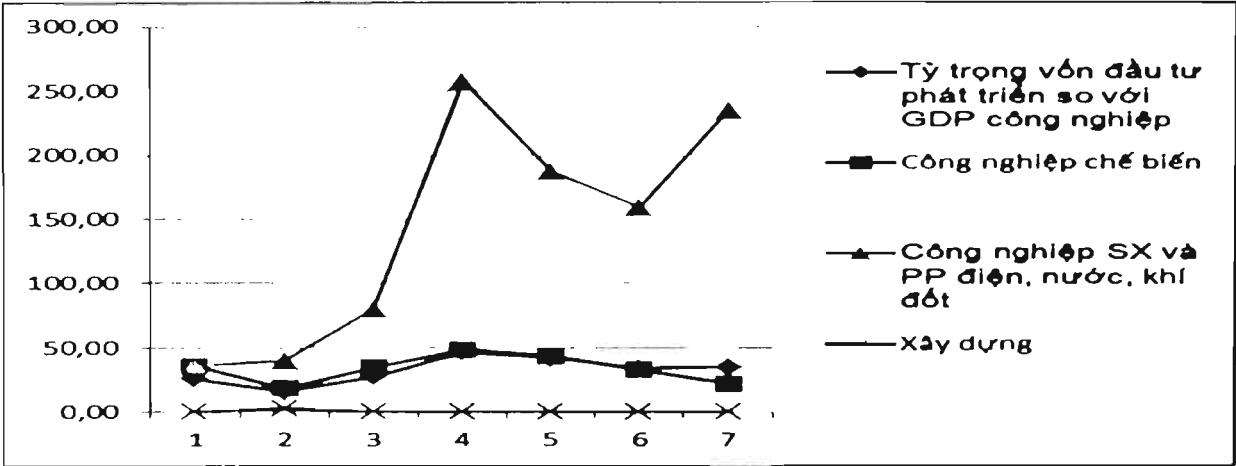


Nguồn: Tính toán từ nguồn Sở Kế hoạch và đầu tư, Cục Thống kê Thừa Thiên Huế.

Tỷ trọng vốn đầu tư phát triển so với GDP lĩnh vực công nghiệp thấp so với các lĩnh vực khác, nhưng của ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện, nước, khí đốt quá cao

do tỉnh tập trung thực hiện cung cấp đủ điện, nước phục vụ người dân, địa bàn đầu tư rộng, nhất là đầu tư cho khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa chi phí đầu tư lớn.

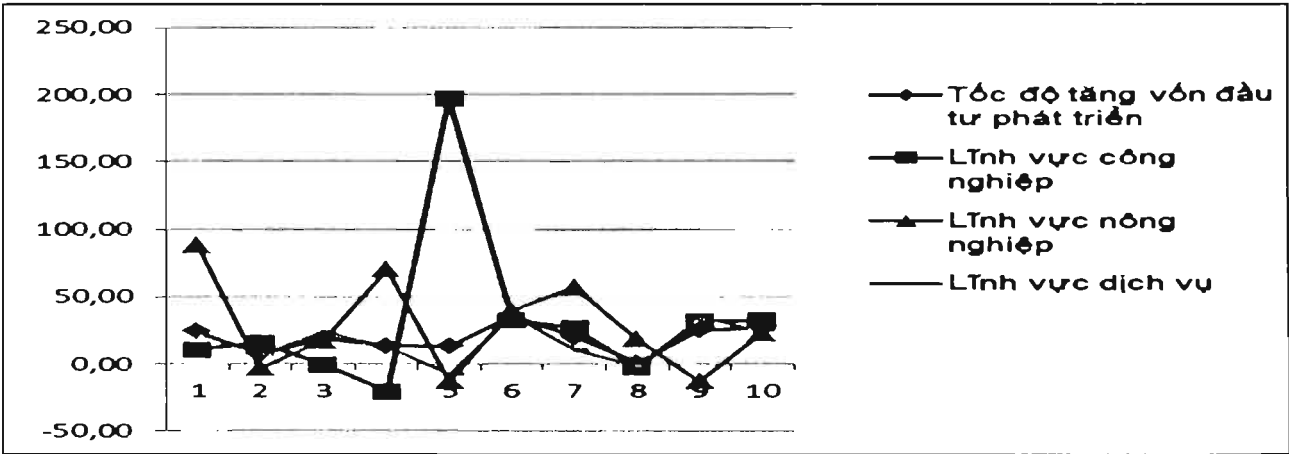
HÌNH 3: Tỷ trọng đầu tư phát triển/GDP công nghiệp giai đoạn 2003-2009
(% theo giá thực tế)



b) Tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư phát triển các lĩnh vực có sự thay đổi lớn qua các năm. Một trong những nguyên nhân là quy mô vốn đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế còn nhỏ dẫn đến tốc độ tăng trưởng nhạy cảm với những thay đổi vốn đầu tư phát triển. Trong giai đoạn 2001-2005, tốc

độ tăng vốn đầu tư phát triển chung là 15,5%, trong khi tốc độ tăng lĩnh vực dịch vụ là 11,66%, nông nghiệp 32,04%, công nghiệp 40,46%; giai đoạn 2006-2010 tốc độ tăng vốn đầu tư phát triển là 21,93%, của lĩnh vực dịch vụ là 20,85%, nông nghiệp là 25,4%, công nghiệp 24,45%.

HÌNH 4: Tăng trưởng vốn đầu tư phát triển các lĩnh vực giai đoạn 2001-2010
(% theo giá thực tế)

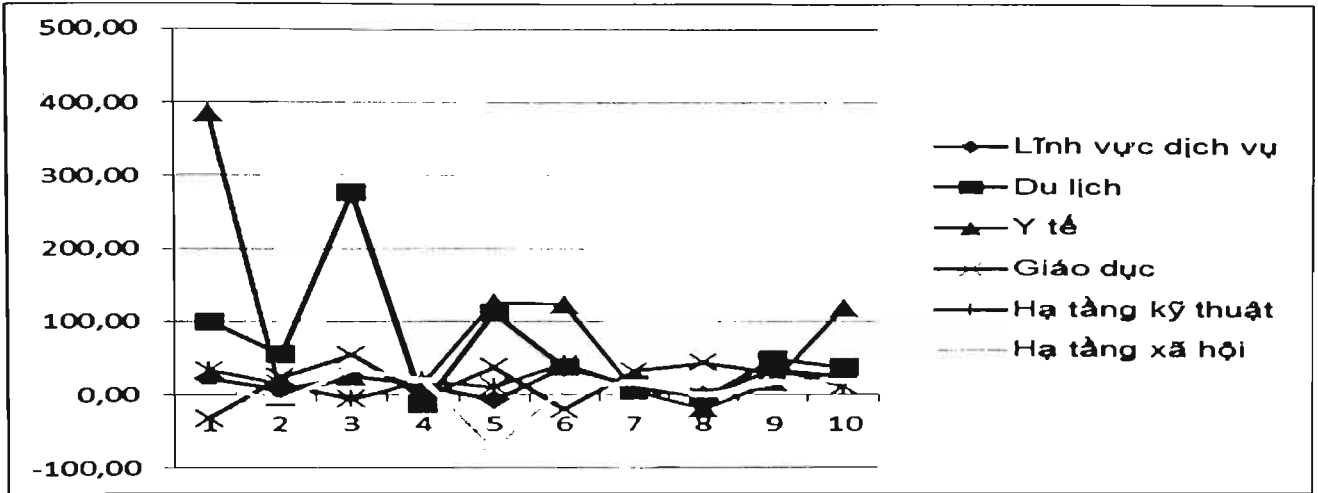


Nguồn: Tính toán từ nguồn số liệu của Sở Kế hoạch và đầu tư Thừa Thiên Huế.

Tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư phát triển các ngành trong lĩnh vực dịch vụ qua các năm không ổn định, nhiều năm tăng trưởng âm so với năm trước liền kề, đặc biệt

là từng ngành trong lĩnh vực này có sự thay đổi điều chỉnh đột ngột qua các năm, do chính sách thu hút đầu tư của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn.

HÌNH 5: Tốc độ tăng vốn đầu tư phát triển lĩnh vực dịch vụ giai đoạn 2001-2010
(% theo giá thực tế)

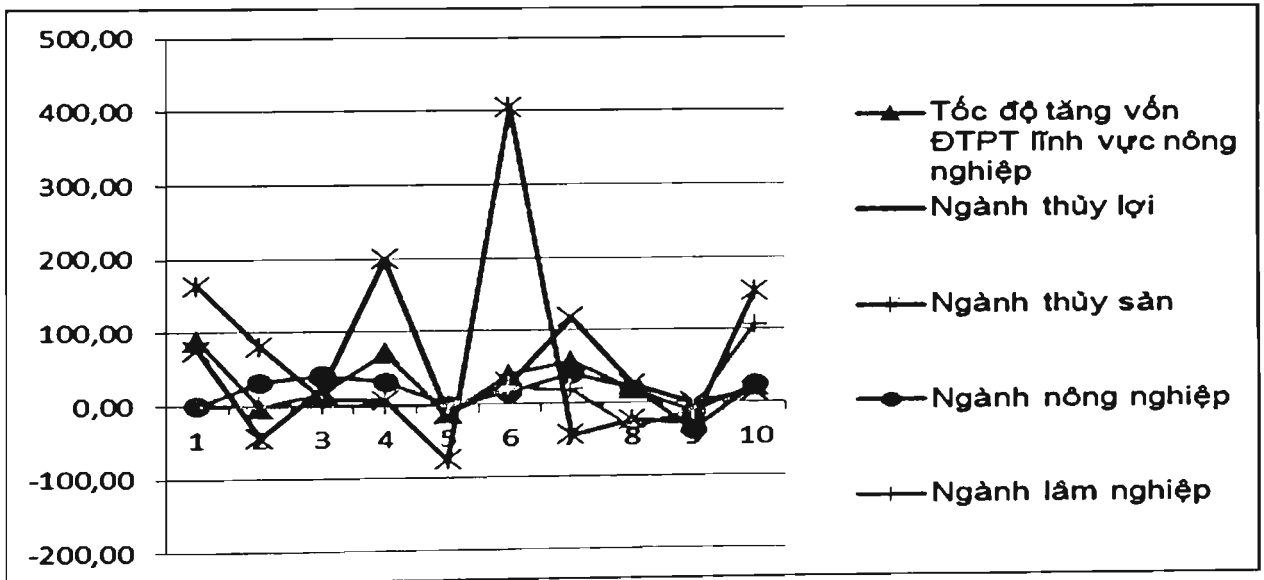


Nguồn: Tính toán từ nguồn số liệu của Sở Kế hoạch và đầu tư Thừa Thiên Huế.

Tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư phát triển các ngành trong lĩnh vực nông nghiệp qua các năm không ổn định, nhiều năm tăng trưởng âm so với năm trước liền kề, nhưng tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư phát triển chung của lĩnh vực nông nghiệp

có xu hướng giữ vai trò quân bình, biến động ít hơn của các ngành, điều này thể hiện quy mô vốn đầu tư phát triển nông nghiệp nhỏ, thiếu nhiều nên có sự điều chỉnh mạnh vốn đầu tư phát triển giữa các ngành qua các năm.

HÌNH 6: Tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư nông nghiệp giai đoạn 2001-2010
(% theo giá thực tế)

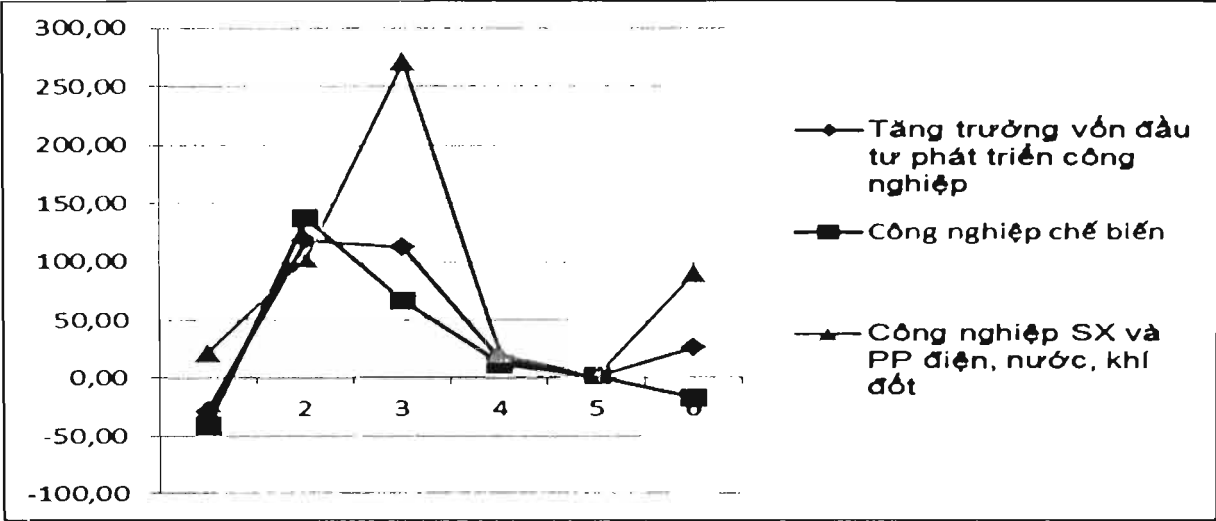


Nguồn: Tính toán từ nguồn số liệu của Sở Kế hoạch và đầu tư Thừa Thiên Huế.

Vốn đầu tư phát triển các ngành thủy lợi, thủy sản tăng ở mức cao (giai đoạn 2001-2005 tương ứng là 47,53% và 36,6%; giai đoạn 2006-2010 là 37,25% và 92,06%), mức tăng giảm hàng năm thay đổi đột ngột, không ổn định.

Tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư phát triển công nghiệp giảm mạnh trong giai đoạn 2005-2009, đặc biệt là ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện, nước, khí đốt.

HÌNH 7: Tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư phát triển công nghiệp giai đoạn 2004-2009
(% theo giá thực tế)

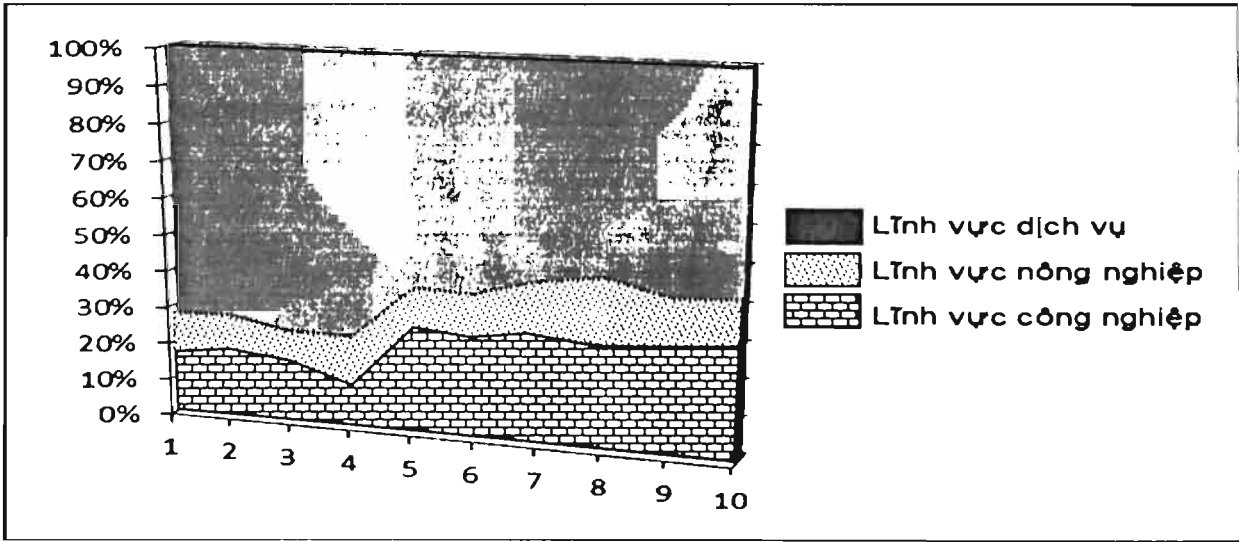


c) Vốn đầu tư phát triển dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn, chủ yếu trong tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội, nhưng có xu hướng giảm mạnh trong khoảng thời gian từ năm 2005 đến năm 2010, tỷ trọng vốn đầu tư phát triển công nghiệp tăng mạnh giai đoạn sau năm 2004.

Vốn đầu tư phát triển dịch vụ giai đoạn 2001-2005 chiếm 70,7% (nông nghiệp 11,3%,

công nghiệp 18%) đến giai đoạn 2006-2010 chiếm khoảng 57,8% (nông nghiệp 13,4%, công nghiệp 28,8%). Tỷ trọng vốn đầu tư phát triển dịch vụ những năm qua có xu hướng giảm dần sau một thời gian tập trung đẩy mạnh đầu tư, việc thu hút đầu tư trong lĩnh vực này có xu hướng chững lại, đặc biệt do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu.

HÌNH 8: Tỷ trọng vốn đầu tư phát triển các lĩnh vực giai đoạn 2001-2010 (% theo giá thực tế)

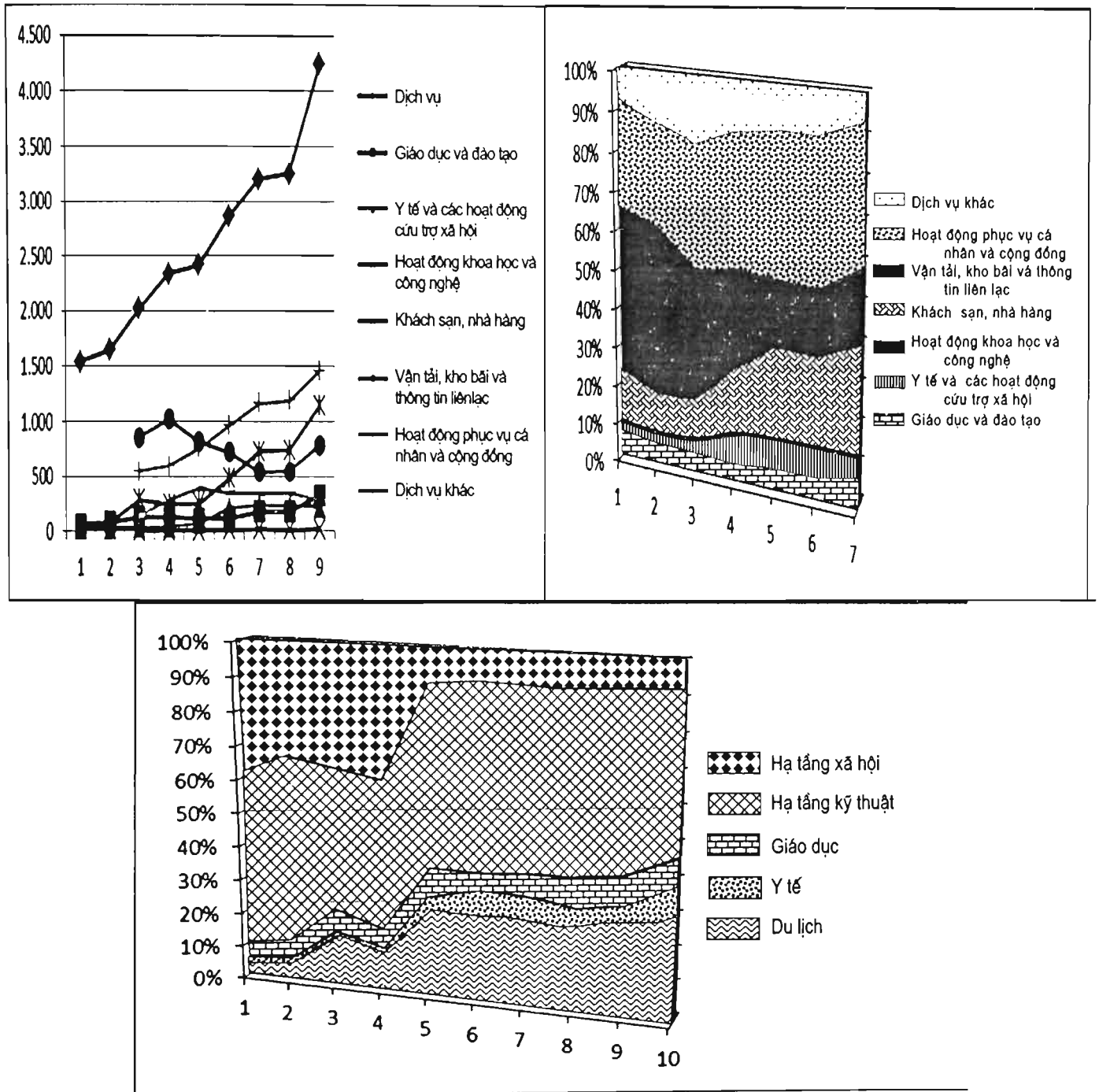


Nguồn: Tính toán từ nguồn số liệu của Sở Kế hoạch và đầu tư Thừa Thiên Huế.

Giá trị vốn đầu tư phát triển cho hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng, các ngành khách sạn, nhà hàng tăng nhanh và chiếm tỷ trọng chủ yếu, vốn đầu tư phát

triển cho các hoạt động vận tải, kho bãi và thông tin liên lạc chiếm tỷ trọng lớn, nhưng có xu hướng giảm dần, đặc biệt là giai đoạn từ năm 2005 đến nay.

HÌNH 9: Giá trị (2001-2009) và cơ cấu (2003-2009) vốn đầu tư phát triển dịch vụ
(Giá trị: tỷ đồng, cơ cấu: % theo giá thực tế)

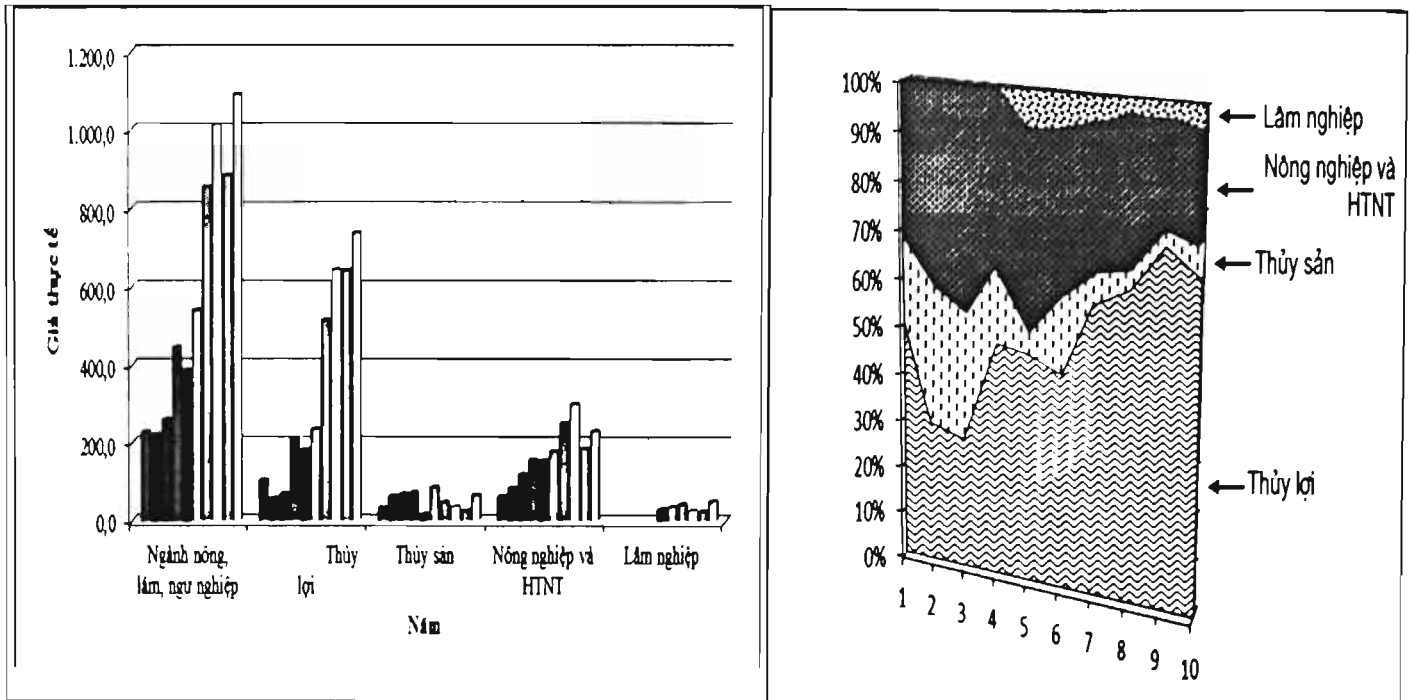


Nguồn: Sở Kế hoạch và đầu tư Thừa Thiên Huế.

Vốn đầu tư phát triển nông nghiệp có tăng trong cơ cấu vốn đầu tư phát triển, nhưng chưa tương xứng với tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu GDP nền kinh tế (21,6% năm 2006 và 15,1% năm 2010). Điều này đúng với chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giảm tỷ trọng nông nghiệp trong nền kinh tế; tuy nhiên

lực lượng lao động trong lĩnh vực nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng lớn (42,2% năm 2005 và 36,8% năm 2010), do vậy mức đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp như vậy là chưa tương xứng với vai trò và vị trí của nó hiện nay, cần tăng vốn đầu tư phát triển lĩnh vực này song song với nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

HÌNH 10: Giá trị cơ cấu vốn đầu tư phát triển nông nghiệp giai đoạn 2001-2010
(Giá trị: tỷ đồng, cơ cấu: % theo giá thực tế)



Nguồn: Sở Kế hoạch và đầu tư Thừa Thiên Huế.

Giá trị vốn đầu tư phát triển cho ngành thủy lợi lớn, chiếm tỷ trọng cao (41% giai đoạn 2001-2005 và 63,5% giai đoạn 2006-2010), ngành nông nghiệp chiếm 37,6% (2001-2005) và 26,3% (2006-2010), trong khi ngành thủy sản với mức đầu tư thấp và giảm rõ rệt trong giai đoạn 2006-2010 (6,1%) so với giai đoạn 2001-2005 (16,9%), ngành lâm nghiệp chiếm tỷ trọng 2% giai đoạn 2001-2005 và 4,3% giai đoạn 2006-2010. Điều này đúng với chủ trương thực hiện kiên cố hóa kênh mương và đầu tư cho các công trình đê, kè sông, biển,... đặc biệt là việc đầu tư xây dựng đập hồ Truồi, hồ Tả Trạch, hệ thống liên hồ Mỹ Xuyên – Niêm – Thiêm – Môi, hồ Châu Sơn... Đây là những công trình lớn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, ngăn mặn, điều hòa nước ngọt, phòng chống lụt, bão, nước biển dâng, phục vụ tưới, tiêu.

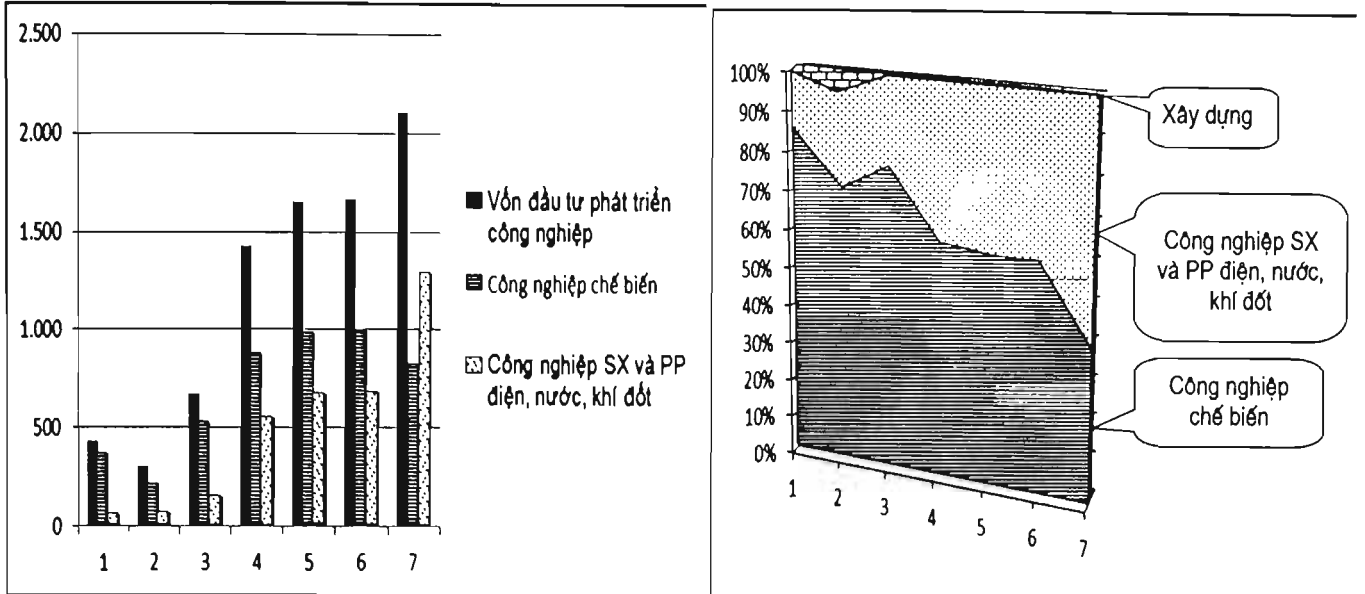
Chương trình đầu tư phát triển đánh bắt, nuôi, trồng thủy sản được xem là thế mạnh của tỉnh nhưng mức độ đầu tư còn khiêm tốn. Hoạt động thủy sản còn quá phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, những thiệt hại lụt

bão đã làm giảm đáng kể hoạt động đầu tư thủy sản, hoạt động nuôi tôm và các loài thủy sản khác chưa tốt, nhất là công tác phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh ao nuôi...

Trong giai đoạn tới sau khi hệ thống kết cấu hạ tầng tương đối đảm bảo, tỉnh Thừa Thiên Huế cần tập trung phát triển chiều sâu trong lĩnh vực nông nghiệp: đầu tư giống, kỹ thuật, thiết bị nuôi trồng thủy sản, đầu tư hiện đại hóa thiết bị, tàu thuyền đánh bắt xa bờ, thực hiện tốt công tác “dồn điền, đổi thửa” để tăng năng suất, đặc biệt nhất là đầu tư lớn cho nguồn nhân lực trong phát triển nông nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng thích đáng cho đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp, phát triển các mô hình mới trong hợp tác xã nông nghiệp để công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Giai đoạn 2003-2009, giá trị vốn đầu tư phát triển cho các ngành công nghiệp chế biến lớn, chiếm tỷ trọng cao (57,82%), các ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện, nước, khí đốt chiếm 42%.

HÌNH 11: Giá trị và cơ cấu vốn đầu tư phát triển công nghiệp giai đoạn 2003-2009
(Giá trị: tỷ đồng, cơ cấu: % theo giá thực tế)



2. Hiệu quả vốn đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế qua chỉ số ICOR

Chỉ số ICOR tỉnh Thừa Thiên Huế thấp hơn chỉ số chung cả nước, trong đó chỉ số

lĩnh vực công nghiệp rất thấp, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư phát triển lĩnh vực nông nghiệp cao, vốn đầu tư phát triển lĩnh vực này thiếu nhiều, chưa được đầu tư thích đáng.

BẢNG 2: ICOR tỉnh Thừa Thiên Huế theo lĩnh vực 2001-2010

(Độ trễ 1 năm, GDP giá so sánh so với năm trước)

Năm	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010
ICOR tỉnh Thừa Thiên Huế	5,35	5,79	5,55	6,00	4,70	3,70	4,16	5,50	3,85	3,57
ICOR Công nghiệp	1,86	1,87	1,91	1,99	0,96	1,50	2,48	3,95	2,37	2,09
ICOR Dịch vụ	11,74	11,11	11,69	10,36	9,32	6,06	5,76	5,60	4,85	4,72
ICOR Nông nghiệp	2,11	5,84	4,13	7,92	6,40	5,62	15,96	41,41	13,97	30,51

Chỉ số ICOR lĩnh vực dịch vụ cao trong giai đoạn 2001-2005, sau đó giảm nhanh do các công trình đầu tư trong dài hạn hoàn thành đưa vào sử dụng, phát huy tác dụng đóng góp vào gia tăng sản lượng. Ngược lại với lĩnh vực dịch vụ, ICOR nông nghiệp thấp trong giai đoạn 2001-2003 sau đó tăng cao đột biến trong giai đoạn 2007-2010, do đầu tư nhiều vào các công trình kết cấu hạ tầng đặc biệt là các công trình thủy lợi, các hồ chứa lớn như hồ Tả Trạch, hồ Truồi, các công trình đê kè sông, biển phục vụ phòng

chống thiên tai, ngăn mặn, giữ ngọt điều hòa nguồn nước đảm bảo an sinh xã hội.

Hoạt động khoa học và công nghệ có vốn đầu tư phát triển còn rất khiêm tốn, nhưng ICOR ngành này lại rất cao đột biến ở một số năm (2004, 2007, 2008). Các ngành thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ, ô tô, mô tô, xe máy và đồ dùng cá nhân, tài chính tín dụng, các hoạt động liên quan tài sản và dịch vụ tư vấn, giáo dục và đào tạo có chỉ số ICOR rất thấp cần huy động vốn đầu tư phát triển nhiều vào các ngành này.

BẢNG 3: ICOR các ngành, nhóm ngành trong lĩnh vực dịch vụ giai đoạn 2004-2010
(Độ trễ 1 năm, GDP giá so sánh so với năm trước)

Năm	2004	2005	2006	2007	2008	2009
Dịch vụ	10,36	9,32	6,06	5,76	5,60	4,85
Thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và đồ dùng cá nhân	0,05	0,47	1,19	0,22	0,88	0,55
Khách sạn, nhà hàng	6,63	3,88	2,68	6,99	32,03	13,48
Vận tải, kho bãi và thông tin liên lạc	24,44	20,58	16,57	6,85	2,37	3,25
Tài chính, tín dụng	1,86	2,83	0,85	0,50	1,71	0,89
Hoạt động khoa học và công nghệ	9,07	3,03	2,14	50,91	38,66	1,70
Các hoạt động liên quan đến tài sản và dịch vụ tư vấn	0,43	0,13	0,00	0,27	0,21	0,31
Quản lý nhà nước và an ninh quốc phòng, đảm bảo xã hội	2,13	2,21	2,02	2,25	10,06	2,84
Giáo dục và đào tạo	7,37	7,34	2,11	1,97	2,14	3,32
Y tế và các hoạt động cứu trợ xã hội	5,15	2,63	1,88	6,64	4,60	4,26
Hoạt động văn hóa, thể thao	24,83	16,30	15,39	-16,03	86,87	8,17
Hoạt động Đảng, đoàn thể và hiệp hội	0,32	2,77	0,40	-0,13	-5,80	1,28
Hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng	61,41	98,59	49,74	55,28	40,67	27,60

Trong lĩnh vực nông nghiệp, ICOR ngành thủy sản rất thấp, thấp hơn nhiều so với ICOR nông nghiệp và ICOR chung của tỉnh Thừa Thiên Huế. ICOR các ngành nông và lâm nghiệp tăng giảm đột biến, khi quá cao (các năm 2004, 2006, 2007 và 2009) khi quá thấp (năm 2005 và 2008). Chỉ số này cho thấy hiệu quả vốn đầu tư nông nghiệp thấp, phản ánh

đúng thực tế tỉnh Thừa Thiên Huế đang tập trung đầu tư lớn cho hạ tầng kỹ thuật lĩnh vực nông nghiệp, nhất là thủy lợi, các công trình hồ chứa, dê kê nhưng chưa phát huy tác dụng đóng góp gia tăng sản lượng ngành nông nghiệp... Riêng hiệu quả vốn đầu tư ngành thủy sản đạt mức cao (bảng số 4), ngành thủy sản còn thiếu nhiều vốn.

BẢNG 4: ICOR các ngành, nhóm ngành trong nông nghiệp 2001-2009
(Độ trễ 1 năm, GDP giá so sánh so với năm trước)

Năm	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009
Nông nghiệp	2,11	5,84	4,13	7,92	6,40	5,62	15,96	41,41	13,97
Nông nghiệp và lâm nghiệp	3,62	15,75	6,14	11,86	-132,70	7,52	14,71	-61,80	17,23
Thủy sản	0,66	1,11	1,93	3,41	0,77	2,01	-88,44	1,39	3,37

Nguồn: Tính toán từ nguồn Sở Kế hoạch và đầu tư, Cục Thống kê Thừa Thiên Huế.

ICOR lĩnh vực công nghiệp rất thấp so với ICOR chung của tỉnh cần phải được đầu tư thêm nhiều vốn, đặc biệt là ngành công

nghiệp chế biến; riêng ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện, nước, khí đốt có ICOR cao.

BẢNG 5: ICOR các ngành, nhóm ngành trong công nghiệp giai đoạn 2004-2010
(Độ trễ 1 năm, GDP giá so sánh so với năm trước)

Năm	2004	2005	2006	2007	2008	2009
Công nghiệp	1,99	0,96	1,50	2,48	3,95	2,37
Công nghiệp chế biến	3,02	1,34	2,14	2,85	2,51	2,02
Công nghiệp SX và PP điện, nước, khí đốt	4,15	3,77	34,77	11,02	13,14	12,01

Nhận xét chung:

Giai đoạn 2001-2010, trong tổng vốn đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế, vốn đầu tư phát triển dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn, nhưng có xu hướng giảm mạnh trong khoảng thời gian từ năm 2005 đến năm 2010, trong khi tỷ trọng vốn đầu tư phát triển công nghiệp tăng mạnh giai đoạn sau năm 2004 nhưng vẫn còn ở mức thấp. Cơ cấu vốn đầu tư phát triển của các ngành trong các lĩnh vực chưa hợp lý, một số ngành cần ưu tiên nhưng tỷ trọng lại thấp. Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến tình trạng này là do tỉnh Thừa Thiên Huế đang thiếu nhiều vốn, đang tập trung ưu tiên đầu tư cho kết cấu hạ tầng, phòng chống thiên tai, an sinh xã hội.

Tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư phát triển các lĩnh vực có sự thay đổi lớn qua các năm. Một trong những nguyên nhân là quy mô vốn đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế còn nhỏ, dẫn đến tốc độ tăng trưởng nhạy cảm với những thay đổi vốn đầu tư phát triển.

Tỷ trọng vốn đầu tư phát triển so với GDP tỉnh Thừa Thiên Huế đạt mức cao, cao hơn bình quân chung cả nước và các nước trong thời kỳ công nghiệp hóa nhưng ICOR của tỉnh Thừa Thiên Huế thấp hơn so với bình quân chung cả nước đặc biệt là ICOR lĩnh vực công nghiệp, các ngành thủy sản, giáo dục và đào tạo, các ngành thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ, ô tô, mô tô, xe máy và đồ dùng cá nhân, tài chính tín dụng, các hoạt động liên quan tài sản và dịch vụ tư vấn rất thấp.

Trong thời gian tới để thực hiện thành công sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội, tỉnh Thừa Thiên Huế cần tăng cường huy

động vốn đầu tư phát triển, trong đó việc sử dụng vốn đầu tư phát triển ngoài việc ưu tiên cho các chương trình, dự án trọng điểm của tỉnh, cần ưu tiên cho lĩnh vực công nghiệp, ngành thủy sản và các ngành dịch vụ có ICOR thấp đã nêu trên đây./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] David Begg – Stanley Fischer Rudiger Dorn Busch, *Economics – the third edition*,
- [2] N. Gregory Mankiw, *Macroeconomics*, Trường đại học Kinh tế quốc dân, Nxb Thống kê, 1999.
- [3] William Easterly, *The elusive quest for grow*, Nxb Lao động Xã hội, 2009.
- [4] Vũ Tuấn Anh, TS. Viện Kinh tế Việt Nam, *Tóm tắt về tình hình đầu tư công ở Việt Nam trong mười năm qua*, Hội thảo Tái cơ cấu đầu tư công trong bối cảnh đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế ở Việt Nam do UNDP, Ủy ban Kinh tế Quốc hội và Viện Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức tại Huế, tháng 12-2010.
- [5] Vũ Như Thăng, TS. Viện Chiến lược và chính sách tài chính, Bộ Tài chính, *Đổi mới đầu tư công ở Việt Nam giai đoạn 2001-2010*, Hội thảo Tái cơ cấu đầu tư công trong bối cảnh đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế ở Việt Nam do UNDP, Ủy ban Kinh tế Quốc hội và Viện Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức tại Huế, tháng 12-2010.
- [6] PGS.TS Nguyễn Bạch Nguyệt, TS. Từ Quang Phương, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, *Giáo trình kinh tế đầu tư*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội - 2007
- [7] Trần Việt Nguyên. *Một số giải pháp chủ yếu huy động và sử dụng vốn đầu tư công tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2011-2020*. Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung số 2 (10) -2010.
- [8] Trần Việt Nguyên. *Thực trạng vốn đầu tư công tỉnh Thừa Thiên – Huế và một số dự báo nhu cầu giai đoạn 2011-2020*. Tạp chí Khoa học, Đại học Huế, số 62A-2010.
- [9] Niên giám thống kê các năm 2004, 2008, 2009 của Cục Thống kê Thừa Thiên Huế.